

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số : 20/2008/QĐ-NHNN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân ban hành theo Quyết định số 1122/2001/QĐ-NHNN ngày 04/9/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 49/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng phi ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và Nhân dân ban hành theo Quyết định số 1122/2001/QĐ-NHNN ngày 04/9/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Khoản 2 Điều 25 được sửa đổi như sau:

“ 2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ, gồm:

- a) Tờ trình của Chủ tịch Hội đồng quản trị (nêu rõ lý do, sự cần thiết);
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi mức vốn điều lệ;
- c) Phương án thay đổi mức vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó phải nêu được tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Nhu cầu để quyết định thay đổi mức vốn điều lệ (nêu rõ việc sử dụng vốn đối với mỗi nhu cầu tương ứng).

(ii) Đánh giá hiệu quả kinh doanh dự kiến sau khi thay đổi mức vốn điều lệ: Trong đó nêu rõ các chỉ tiêu dự kiến sau khi thay đổi mức vốn điều lệ gồm: mức (số tuyệt đối và tỷ trọng) tăng trưởng Tổng tài sản có, tín dụng, huy động tiền gửi của khách hàng và tiền gửi và vay của các Tổ chức tín dụng khác; các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng; tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE), tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA).

(iii) Đánh giá khả năng quản trị, điều hành, kiểm soát của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ đối với quy mô vốn và quy mô hoạt động sau khi thay đổi mức vốn điều lệ.

(iv) Kế hoạch thay đổi mức vốn điều lệ trong năm tài chính phải nêu được tối thiểu các nội dung sau đây:

- Tổng mức vốn điều lệ dự kiến thay đổi;
- Các đợt dự kiến phát hành trong năm;
- Phương án phát hành cho từng đợt: các loại đối tượng được mua, giá chào bán cho từng loại đối tượng (trường hợp chưa xác định được thì ghi là chưa xác định, tuy nhiên, giá chào bán cổ phần phải phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), thời điểm bán và các điều kiện khác liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của từng loại đối tượng nếu có;
- Dự kiến thay đổi về cơ cấu sở hữu của các cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của ngân hàng thương mại cổ phần sau mỗi đợt thay đổi mức vốn điều lệ và lý do của sự thay đổi này;

d) Báo cáo danh sách cổ đông hiện đang sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của ngân hàng thương mại cổ phần và dự kiến thay đổi các cổ đông này sau mỗi đợt thay đổi mức vốn điều lệ gồm các nội dung sau: Tên cổ đông, địa chỉ, số

lượng cổ phần của từng loại, tổng số cổ phần, tỷ lệ so với tổng số vốn điều lệ của ngân hàng.

đ) Báo cáo tóm tắt về cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát dự kiến sẽ thay đổi (nếu có) sau khi thay đổi mức vốn điều lệ, trong đó nêu tóm tắt về trình độ, kinh nghiệm hoạt động ngân hàng của từng thành viên.

e) Hồ sơ của các cổ đông tham gia mua cổ phần để tăng vốn điều lệ:

(i) Đối với các cổ đông là tổ chức khác (không phải là tổ chức tín dụng) hiện đang hoặc dự kiến sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên và cổ đông là tổ chức tín dụng:

- Đơn xin mua cổ phần do người đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu (Phụ lục số 1);

- Báo cáo tài chính trong năm liền kề năm mua cổ phần.

Đối với tổ chức nước ngoài, báo cáo tài chính phải đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 07/2007/TT-NHNN ngày 29/11/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc Hướng dẫn thi hành một số nội dung Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam.

Đối với tổ chức Việt Nam, báo cáo tài chính phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Tuân thủ chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước;

+ Báo cáo tài chính bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính;

+ Trường hợp cổ đông là công ty mẹ thì cổ đông phải nộp báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán kèm theo báo cáo tài chính của chính công ty mẹ;

+ Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán đã được Bộ Tài chính công bố đủ tiêu chuẩn kiểm toán doanh nghiệp. Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính phải thể hiện chấp nhận toàn bộ. Trường hợp ý kiến kiểm toán là chấp nhận có ngoại trừ thì khoản ngoại trừ phải là không trọng yếu và phải có tài liệu giải thích hợp lý về cơ sở cho việc ngoại trừ đó;

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, báo cáo tài chính năm của năm trước đó trong hồ sơ ban đầu có thể là báo cáo chưa có kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước liền kề và

bổ sung ngay sau khi có báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm liền kề năm mua cổ phần;

+ Trường hợp ngày kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính gần nhất cách thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ hợp lệ cho Ngân hàng Nhà nước quá chín mươi ngày, cổ đông phải lập báo cáo tài chính bổ sung đến tháng hoặc quý gần nhất;

+ Trường hợp có những biến động bất thường sau thời điểm kết thúc niên độ của báo cáo tài chính gần nhất, cổ đông phải lập báo cáo tài chính bổ sung đến tháng hoặc quý gần nhất;

+ Nếu báo cáo tài chính là bản sao, thì phải là bản sao có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc của tổ chức kiểm toán (trường hợp báo cáo tài chính đã được kiểm toán) hoặc sao y của cổ đông (trường hợp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán).

Trường hợp cổ đông không có báo cáo tài chính do mới được thành lập và hoạt động trong khoảng thời gian từ 31/12/năm trước năm thay đổi mức vốn điều lệ đến 1/3/năm thay đổi mức vốn điều lệ, cổ đông phải nộp những tài liệu sau đây thay thế cho báo cáo tài chính theo quy định này: Báo cáo bằng văn bản về năng lực tài chính của chủ sở hữu nắm quyền kiểm soát tổ chức này kèm theo những tài liệu chứng minh liên quan; và văn bản cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cổ đông có đủ năng lực tài chính để góp vốn vào ngân hàng.

(ii) Đối với cá nhân hiện đang hoặc dự kiến sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên:

- Đơn xin mua cổ phần của các cổ đông (Phụ lục số 2);

- Bảng kê khai thu nhập, tài sản của cá nhân có giá trị từ một trăm triệu đồng trở lên theo mẫu qui định của Ngân hàng Nhà nước (Phụ lục số 3).

(iii) Đối với cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành của ngân hàng:

Đơn xin mua cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành của ngân hàng (Phụ lục số 2). Trường hợp người đại diện cổ đông là tổ chức tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ngân hàng thì chỉ làm đơn mua cổ phần theo Phụ lục số 1.

g) Các văn bản khác có liên quan theo quy định của pháp luật.”

2. Khoản 3 Điều 25 được sửa đổi như sau:

“3. Ngân hàng thương mại cổ phần phải lập hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này (2 bộ chính) gửi Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại cổ phần đặt Trụ sở chính. Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm:

a) Thẩm định hồ sơ theo quy định tại Quy định này.

b) Đánh giá phương án thay đổi mức vốn điều lệ về: hiệu quả hoạt động của ngân hàng sau khi thay đổi mức vốn điều lệ, khả năng quản trị, điều hành, kiểm soát của ngân hàng thương mại cổ phần đối với qui mô vốn và qui mô hoạt động sau khi thay đổi mức vốn điều lệ, năng lực tài chính của cổ đông hiện đang hoặc dự kiến sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên và cổ đông là tổ chức tín dụng.

c) Kiểm tra năng lực tài chính của các cổ đông mua cổ phần theo các nội dung sau:

(i) Đối với cổ đông là tổ chức:

- Đối với tổ chức tín dụng: Sau khi mua cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần, Tổ chức tín dụng phải tuân thủ các qui định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng; việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng.

- Đối với các tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng đang hoặc dự kiến sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của ngân hàng thương mại cổ phần phải đảm bảo: Vốn chủ sở hữu trừ đi các khoản đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu, tài sản ngắn hạn trừ đi nợ ngắn hạn còn lại tối thiểu bằng số vốn mua cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần (cách xác định cụ thể theo Phụ lục số 04 đính kèm).

Các chỉ tiêu trên được xác định căn cứ báo cáo tài chính của tổ chức nêu tại Điểm e (i) Khoản 2 Điều này.

(ii) Đối với cổ đông là cá nhân đang hoặc dự kiến sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của ngân hàng thương mại cổ phần:

Phải chứng minh được khả năng góp vốn vào ngân hàng qua việc kê khai Bảng kê khai thu nhập, tài sản của cá nhân nêu tại Khoản 2 Điểm e (ii) Điều này.

d) Có ý kiến đề xuất cụ thể trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, trong đó nêu rõ quan điểm đồng ý, không đồng ý việc thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần. Sau khi có ý kiến của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố có văn bản chấp

thuận việc Ngân hàng thương mại cổ phần thay đổi mức vốn điều lệ. Trường hợp chưa hoặc không chấp thuận việc Ngân hàng thương mại cổ phần thay đổi mức vốn điều lệ, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố phải có văn bản nêu rõ lý do trả lời đơn vị.”

3. Bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39: Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước:

1. Vụ Các ngân hàng:

a) Là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ của các ngân hàng thương mại cổ phần từ Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi ngân hàng thương mại cổ phần đặt trụ sở chính, lấy ý kiến của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Vụ Chính sách tiền tệ.

b) Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước và Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ các Ngân hàng tổng hợp và đề xuất trình Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước xem xét và có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản đối với việc thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

Trong thời hạn tối đa bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Vụ các Ngân hàng (gửi kèm hồ sơ thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần), Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:

a) Tham gia bằng văn bản, đánh giá hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần được giám sát theo các chỉ tiêu CAMEL; kết quả xếp loại năm liền kề năm đề nghị thay đổi vốn điều lệ; kết quả xếp loại năm liền kề năm đề nghị thay đổi vốn điều lệ; kết quả thanh tra tại chỗ và việc phân loại nợ và trích lập dự phòng, chấp hành các tỷ lệ an toàn hoạt động tại thời điểm gần nhất khi đề nghị thay đổi vốn điều lệ.

b) Ý kiến của Thanh tra nêu rõ đồng ý hay không đồng ý với đề nghị thay đổi vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Vụ chính sách tiền tệ: Trong thời gian bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Vụ các Ngân hàng (gửi kèm hồ sơ thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần), Vụ Chính sách tiền tệ có trách nhiệm tham gia bằng văn bản, đánh giá sự tác động của Phương án thay đổi mức vốn điều lệ đến mức tăng trưởng tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần theo chủ trương của

Chính phủ; đồng ý hay không đồng ý đối với việc thay đổi mức vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần gửi Vụ các Ngân hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các Ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có ngân hàng thương mại cổ phần đặt trụ sở chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng thương mại cổ phần chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /h

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Văn phòng Chính phủ (2 bản);
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- BLĐ NHNN;
- Lưu: VP, Vụ Pháp chế, Vụ CNH.


THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Trần Minh Tuấn

Phụ lục số 1
Mẫu đơn mua cổ phần đối với tổ chức
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2008/QĐ-NHNN ngày 4/7/2008
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Hội đồng quản trị Ngân hàng ...

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, do... cấp ngày... tháng ... năm.
- Vốn điều lệ
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp:
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

3. Người được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Mối liên hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó)
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ

- Thời gian nộp tiền:

5. *Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:*

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp;

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó;

6. *Cam kết:*

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, chúng tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp vốn đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Có đủ năng lực tài chính để góp vốn vào ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền đã góp vốn vào ngân hàng;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ ngân hàng, Quy chế nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 2
Mẫu đơn mua cổ phần đối với cá nhân
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2008/QĐ-NHNN ngày 4/7/2008
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN MUA CỔ PHẦN
Kính gửi: Hội đồng quản trị Ngân hàng ...

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa)
- Ngày tháng năm sinh
- Số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác, ngày cấp, nơi cấp
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Số điện thoại:
- Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ
- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp;
- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó.

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

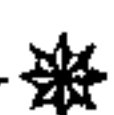
- a) Mua đủ số cổ phần và góp vốn đúng thời hạn đã đăng ký;
- b) Có đủ năng lực tài chính để góp vốn vào ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền đã góp vốn vào ngân hàng;
- c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ ngân hàng, Quy chế nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần trở lên)

Kính gửi: NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

- Họ và tên Người kê khai tài sản, thu nhập:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: ... / ... / Nơi cấp:
- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

TT	Loại tài sản	Thông tin mô tả về tài sản
1	Nhà, công trình xây dựng	<p>- Số lượng: cái</p> <p>1.1 Nhà thứ nhất:</p> <p>+ Loại nhà:..... + Diện tích đất :m²</p> <p>+ Diện tích đất xây dựng:.....m² + Diện tích sử dụng :m²</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>.....</p> <p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:</p> <p>1.2 Nhà thứ hai:</p> <p>+ Loại nhà:..... + Diện tích đất :m²</p> <p>+ Diện tích đất xây dựng:.....m² + Diện tích sử dụng :m²</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>.....</p> <p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:</p> <p>1.3 Nhà thứ ... :</p>

2	Quyền sử dụng đất	<p>- Số lượng:thửa</p> <p>2.1 Thừa thứ nhất:</p> <p>+ Loại đất:.....</p> <p>+ Diện tích:..... m²</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>.....</p> <p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá thửa đất theo giá thị trường:</p> <p>2.2 Thừa thứ hai:</p> <p>+ Loại đất:.....</p> <p>+ Diện tích:..... m²</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>.....</p> <p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật)</p> <p>+ Trị giá thửa đất theo giá thị trường:</p> <p>2.3 Thừa thứ:</p>
3	Tài sản ở nước ngoài	<p>- Động sản:</p> <p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)</p> <p>+ Tên:.....</p> <p>+ Số lượng:</p> <p>+ Trị giá theo giá thị trường:</p> <p>- Bất động sản:</p> <p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)</p> <p>+ Tên:.....</p> <p>+ Địa chỉ:.....</p> <p>+ Trị giá theo giá thị trường:</p>
4	Tài khoản ở nước ngoài	<p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan)</p> <p>- Ngân hàng mở tài khoản:.....</p> <p>- Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:.....</p>
5	Thu nhập	<p>- Lương:...../tháng</p> <p>- Thu nhập khác (nếu có):...../tháng</p>
6	Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	<p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy đăng ký của cơ quan chức năng)</p> <p>- Chủng loại, nhãn hiệu:.....</p> <p>- Số lượng:.....</p> <p>- Tổng giá trị theo giá thị trường:.....</p>
7	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	<p>(đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan nếu có)</p> <p>- Tổng giá trị ước tính:.....</p>

8	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ chuyên nhượng khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.	Tiền mặt: Tổng giá trị :.....
		Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng...): (đính kèm bản sao có chứng thực của ngân hàng) Tổng giá trị:.....
		Cổ phiếu: (đính kèm bản sao có chứng thực của công ty phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá:..... Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):.....
		Trái phiếu: (đính kèm bản sao có chứng thực của cơ quan phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá:..... Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):.....
		Các công cụ chuyên nhượng khác: Tổng giá trị theo mệnh giá:..... Tổng giá trị theo giá thị trường :.....
9	Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Tên:..... - Số lượng: - Tổng giá trị ước tính:
10	Nguồn vốn đi vay TCTD để hình thành các tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) -Dư nợ cho vay tại (thời điểm kê khai) :..... - Mục đích vay:

Tôi cam kết Bản tự kê khai tài sản, thu nhập trên đây là trung thực, đầy đủ. Nếu khai man, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai về nhà, công trình xây dựng khác:

- Không phải kê khai nhà công vụ;
- Nhà, công trình xây dựng phải kê khai gồm: nhà ở, nhà xưởng, nhà hàng, câu lạc bộ, các công trình xây dựng khác...
- Nhà, công trình xây dựng tiếp theo (nếu có) thì kê khai như nhà, công trình xây dựng thứ nhất, thứ hai.

2. Đối với phần kê khai về thu nhập:

Nội dung kê khai tại phần này bao gồm:

- Lương: kê khai lương tháng tại thời điểm kê khai;
- Thu nhập khác (nếu có).

4. Đối với phần kê khai 6, 7, 8, 9:

Chỉ kê khai nếu tổng giá trị của mỗi loại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên. Ví dụ: có 3 xe máy, nếu tổng giá trị của 3 xe máy từ 100 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu tổng giá trị của 3 xe máy dưới 100 triệu đồng thì không phải kê khai.

5. Đối với tài sản chung theo phần:

Kê khai rõ phần giá trị tài sản ước tính thuộc sở hữu của người kê khai có được trong khối tài sản chung.

Phụ lục số 4:

Cách xác định khả năng tài chính của tổ chức góp vốn để tăng vốn điều lệ của ngân hàng đối với cổ đông là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

A- Công thức tính khả năng về tài chính của tổ chức góp vốn để tăng vốn điều lệ của ngân hàng đối với cổ đông là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng:

1.1. Công thức tổng quát:

* Công thức 1:

Khả năng về tài chính để góp vốn	= Vốn chủ sở hữu	- Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu
---	-------------------------	---

* Công thức 2:

Khả năng thanh khoản	= Tài sản ngắn hạn	- Nợ ngắn hạn
-----------------------------	---------------------------	----------------------

1.2. Công thức cụ thể:

a/ Về công thức 1:

$$\boxed{A = E - LI} \quad (1)$$

và

$$\boxed{LI = LA - LD} \quad (2)$$

Trong đó:

- + A: Khả năng về tài chính để góp vốn
- + E: Vốn chủ sở hữu
- + LI: Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu
- + LD: Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn
- + LA: Tài sản dài hạn

b/ Về công thức 2:

$$\boxed{L = SA - SD} \quad (3)$$

Trong đó:

- + L: Khả năng thanh khoản

+ SA: Tài sản ngắn hạn

+ SD: Nợ ngắn hạn

c/ *Kết luận:*

* Nếu A và L \geq Số vốn phải góp vào ngân hàng theo cam kết của cổ đông thì cổ đông có khả năng về tài chính để góp vốn vào ngân hàng.

* Nếu A và L không đồng thời \geq Số vốn phải góp vào ngân hàng theo cam kết của cổ đông:

- Đối với trường hợp A \geq Số vốn phải góp vào ngân hàng theo cam kết của cổ đông và L < Số vốn phải góp vào ngân hàng theo cam kết của cổ đông: cần yêu cầu cổ đông thuyết minh và chứng minh rõ về nguồn tiền mặt dự kiến sử dụng để góp vốn vào ngân hàng để có thêm cơ sở đưa ra kết luận cuối cùng về khả năng tài chính để góp vốn vào ngân hàng của cổ đông.

- Đối với các trường hợp còn lại: cổ đông không có đủ khả năng về tài chính để góp vốn vào ngân hàng.

B- Ví dụ minh họa:

Theo Đơn xin mua cổ phần, Công ty X sẽ góp vào ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ năm 2008 là 100 tỷ VND. Phân tích nguồn vốn để Công ty X góp vào ngân hàng xin tăng vốn điều lệ dựa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/ 2007 (năm liền kề năm mua cổ phần) như sau:

Đơn vị: tỷ VND

STT	Tài sản	STT	Nguồn vốn		
I.	Tài sản ngắn hạn	1.092,42	I.	Nợ phải trả	664,88
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	711,90	1.	Nợ ngắn hạn	517,18
2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.	Nợ dài hạn	147,70
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	377,87			
4.	Hàng tồn kho	0,08			
5.	Tài sản ngắn hạn khác	2,57			
II.	Tài sản dài hạn	1.530,90	II.	Vốn chủ sở hữu	1.958,44
1.	Các khoản phải thu dài hạn	0	1.	Vốn chủ sở hữu	1.900
2.	Tài sản cố định	26,02	2.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	58,44
3.	Bất động sản đầu tư	0			
4.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.504,78			
5.	Tài sản dài hạn khác	0,10			
	Cộng	2.623,32		Cộng	2.623,32

Vận dụng công thức (1), (2) và (3) để xác định khả năng về tài chính để góp vốn vào ngân hàng của Công ty X, ta có:

Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi Vốn chủ sở hữu (LI)		Vốn chủ sở hữu (E)	
Tài sản dài hạn (LA)	1.530,90 tỷ VND	Vốn chủ sở hữu	1.900 tỷ VND
Phần <i>Nợ dài hạn</i> dùng để đầu tư <i>Tài sản dài hạn</i> (LD)*	147,70 tỷ VND		
LI=LA-LD	1.383.2 tỷ VND	E	1.900 tỷ VND
A=E-LI			516,8 tỷ VND

(Giả định trong Thuyết minh báo cáo tài chính đến ngày 31/7/2007 của Công ty X đã thuyết minh rõ việc toàn bộ Nợ dài hạn-147,70 tỷ VND được dùng để đầu tư Tài sản dài hạn)

Đồng thời:

$$L = SA - SD = 1.092,42 - 517,18 = 575,24 \text{ (tỷ VND)}$$

So sánh A (516,8 tỷ VND) và L (575,24 tỷ VND) với Số vốn phải góp vào ngân hàng theo Đơn xin mua cổ phần của Công ty X (100 tỷ VND) có thể thấy Công ty X có khả năng về tài chính để góp vốn tăng vốn điều lệ ngân hàng (516,8 tỷ VND > 100 tỷ VND và 575,24 tỷ VND > 100 tỷ VND).

Chú ý:

* Nếu trong Thuyết minh báo cáo tài chính của tổ chức chưa thuyết minh rõ về khoản mục Phần *Nợ dài hạn* dùng để đầu tư *Tài sản dài hạn* (tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn,...) thì cần yêu cầu tổ chức có văn bản thuyết minh rõ về khoản mục này.